

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 3 - 2023
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HN ngày 09/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1987, địa chỉ: Tổ 10, ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện X, tỉnh An Giang; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Thế Ah, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ 8, khóm Vĩnh Chánh, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Ng trình bày:

Bà và ông Thế Ah, quen nhau do mai mối và được cha mẹ hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P số 19, ngày 05/02/2009. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 vợ

chồng luôn xảy ra bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã. Ông Thế Ah đi làm ăn xa không về thăm và không tới lui, chỉ liên lạc qua điện thoại nhưng ông Thế Ah nói chuyện rất khó nghe. Tết âm lịch năm nay 2022 ông Thế Ah vẫn không về thăm bà và con; bà cũng không xuống nhà ông Thế Ah, nghe họ hàng nói ông Thế Ah có vợ và dẫn về nhà lúc tết nhưng bà không quan tâm. Bà Ng thấy vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu được ly hôn với ông Thế Ah.

Trong thời gian sống chung: Bà và ông Thế Ah có sinh được 01 con chung tên Phạm Thị Xuân Q, sinh ngày 27/3/2011, hiện cháu đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Thế Ah phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Ng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Thế Ah nhưng ông Thế Ah vắng mặt không có lý do.

Ông Phạm Văn Hiếu là cha ruột của ông Phạm Thế Ah cho biết, ông Thế Ah làm công ty giày da ở tỉnh Bình Dương. Ông có nhận văn bản của Tòa án và thông tin lại cho con (Thế Ah) biết nhưng Công ty không cho nghỉ phép. Về việc ly hôn thì ông Thế Ah cho biết chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà Ng.

Kết quả xác minh tại Ban khóm Vĩnh Chánh, phường P, thành phố K: Ông Thế Ah có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, khóm Vĩnh Chánh, phường P, thành phố K, hiện ông Thế Ah đi làm nên không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Về hôn nhân của ông Thế Ah và bà Ng thì Ban khóm không biết.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên ông Thế Ah vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Ng, ông Ah có đăng ký kết hôn nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống bà Ng và ông Ah thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không chủ động hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết ông Ah đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia hòa giải, thông qua ông Hiếu, ông Ah đồng ý ly hôn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Ah là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung tên Phạm Thị Xuân Q, sinh ngày 27/3/2011, đang sống cùng bà Ng, bà Ng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông Ah cấp dưỡng. Q cũng có nguyện vọng sống cùng bà Ng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm lý cho con, nên việc giao con chung cho bà Ng tiếp tục nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, nguyện vọng của con; công nhận sự tự nguyện của bà Ng trong việc không yêu cầu ông Ah cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 19 ngày 05/02/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông Thế Ah đã không thường xuyên sinh sống ở nhà, không quan tâm đến vợ, con. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Ng, ông Thế Ah là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thế Ah là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà Ng và ông Thế Ah có 01 con chung tên Phạm Thị Xuân Q, sinh ngày 27/3/2011, hiện cháu đang sống chung với bà Ng. Bà Ng yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Xuân Q có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, việc giao con chung cho bà Ng nuôi dạy là đảm bảo cho con được sinh sống, học tập tốt hơn và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận; bà Ng không yêu cầu ông Thế Ah cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

Bà Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Thế Ah trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ng được ly hôn ông Phạm Thế Ah.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 05/02/2009 của Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Bà Đặng Thị Ng được tiếp tục nuôi dạy con chung Phạm Thị Xuân Q, sinh ngày 27/3/2011 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Phạm Thế Ah không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Thế Ah trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002900 ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; bà Ng đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Thế Ah không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương